TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2017/HNGĐ-ST
Ngày 11-9-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Trung Trực.

2. Ông Nguyễn Văn Hiển.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 285/2017/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 297/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đào Mỹ H**, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp MĐB, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp MĐB, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 12/6/2017 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Đào Mỹ H trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn K tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau vào năm 1994, đến nay có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian chung sống được khoảng 01 năm thì anh K thường xuyên đi nhậu về nhà hành hạ, đánh đập chị nhiều lần. Anh K đã được chính quyền địa phương giáo dục, nhắc

nhỡ nhưng anh K không sửa đổi. Đến tháng 6/2014 chị không thể chịu đựng được nên cùng 02 con bỏ trốn đi Sài Gòn làm ăn, sinh sống. Đến tháng 12/2015 anh K hứa sửa đổi tính tình thì chị đồng ý chung sống lại với nhau. Nhưng không được bao lâu anh K lại rượu chè bê tha, tiếp tục hành hạ chị và dùng dao hâm dọa chị và chị ly thân với anh K từ tháng 01 năm 2016 cho đến nay. Chị xét thấy không thể chung sống với anh K được nữa và khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

- Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung tên Nguyễn Vủ H, sinh năm 1995 và Nguyễn Nhựt H1, sinh năm 2001. Hiện cháu H đã có gia đình riêng nên không đặt ra xem xét việc nuôi dưỡng; chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H1 và không yêu cầu anh Khởi cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần tham gia hòa giải và phiên tòa sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Thấy rằng chị H và anh K tự nguyện kết hôn vào năm 1994 và có đăng ký kết hôn ngày 27/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa chị Đào Mỹ H xác định quá trình chung sống anh K có nhiều hành vi bạo lực gia đình đối với chị và chị xác định mâu thuẫn quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài thêm được nữa nên giữ y yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh K.

Đối với anh K đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án hợp lệ nhưng đến nay không có ý kiến phản bác, giải trình hay yêu cầu gì đối với nội dung khởi kiện của chị H. Do đó, có cơ sở cho rằng điều kiện đi đến hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân như chị H trình bày là có cơ sở. Ngoài ra, anh K đã được Tòa án thông báo tham gia hòa giải và triệu tập để tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt, cho thấy anh K không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với chị H và chấp nhận nội dung khởi kiện của chị H.

Từ các căn cứ trên, xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh K có 02 con chung tên Nguyễn Vủ H, sinh năm 1995 và Nguyễn Nhựt H1, sinh năm 2001. Đối với cháu H đã trên 18 tuổi và có gia đình riêng nên chị H không yêu cầu Tòa án xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp. Đối với cháu H1 có nguyện vọng được sống với chị H. Do đó, cần giao cháu Nhựt H1 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng theo yêu cầu của chị H là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Đối với anh K không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung như chị H trình bày. Do đó, có cơ sở cho rằng chị H và anh K không đặt ra yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H.

Cho chị Đào Mỹ H được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhựt H1, sinh ngày 04/10/2001 cho chị Đào Mỹ H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung chị H và anh K không đặt ra yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình chị Đào Mỹ H phải chịu 300.000 đồng, chị H dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0009013 ngày 20/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi nay được chuyển thu, chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên